

Số: 1085/2019/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 30 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 997/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/Bà **Trương Thị Minh H**, sinh năm 1962

Địa chỉ: 49 Đường P, phường, Quận A, Tp.M

2/Ông **Trần Quốc T**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 55/24/34 Đường T, phường C, quận Đ, Thành phố M

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Bà Trương Thị Minh H và ông Trần Quốc T cùng có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T có địa chỉ cư trú tại quận Đ, Thành phố M nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 216, quyền số 2/99 ngày 27/12/1999 do Ủy ban nhân dân phường D, Quận E, Thành phố M cấp thì bà H và ông T là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của bà H và ông T thì trong quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng với nhau về quan điểm sống, lối sống, cả hai không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà H và ông T yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy sự thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và không trái luật nên Tòa án công nhận.

[4] Về con chung: Cả hai khai Không có.

[5] Về tài sản chung: Cả hai khai không có nên Tòa án không xem xét.

[6] Về nợ chung: Cả hai khai không có nên Tòa án không xem xét.

[7] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do bà H và ông T chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Minh H và ông Trần Quốc T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

**2.** Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà H và ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0039280 ngày 14/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- UBND phường D, Quận E, Tp.HCM  
(để ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy chứng nhận kết hôn số 216 ngày 27/12/1999)
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Hồng Út**